

BỘ NÔNG NGHIỆP & PTNT
VIỆN QUY HOẠCH THỦY LỢI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

BẢN TIN VỀ KẾT QUẢ QUAN TRẮC HIỆN TRƯỜNG

Tháng 02 – Đợt 1

1. Tên nhiệm vụ: Giám sát, dự báo chất lượng nước trong hệ thống công trình thủy lợi Sông Nhuệ, phục vụ lấy nước sản xuất nông nghiệp

2. Ngày quan trắc: 10 – 11/02/2025

Ngày cung cấp TT: 12/02/2025

3. Tình trạng hoạt động của các cống khi lấy mẫu:

STT	Ký hiệu mẫu	Vị trí quan trắc	Tình trạng hoạt động của cống
1	1	Cống Liên Mạc	Cống Liên Mạc 1 và 2 mở thông.
2	3	Đập Hà Đông	Đập mở.
3	6	Đập Đồng Quan (Thượng lưu)	Đập mở thông.
4	8	Đập Nhật Tựu	Đập mở hé.
5	9	Cống Lương Cổ	Cống mở.
6	13	Đập Thanh Liệt	Đập đóng.
7	14	Kênh Xuân La	Cống mở.
8	15	Kênh Phú Đô	Cống mở.
9	16	Kênh tiêu Trung Văn	Cống đóng.
10	21	Kênh Yên Xá	Cống mở.
11	23	Kênh Hòa Bình	Cống đóng.

4. Tổng số vị trí các điểm quan trắc: 23 vị trí.

5. Đơn vị thực hiện: Phòng Thí nghiệm và Tư vấn quản lý CLN, Môi trường – Viện Quy hoạch Thủy lợi.

Người cung cấp thông tin: Trịnh Xuân Hoàng – Trưởng phòng.

6. Đơn vị nhận thông tin: Cục Thủy lợi, công ty TNHH MTV Đầu tư phát triển thủy lợi Sông Nhuệ, công ty TNHH MTV khai thác công trình thủy lợi tỉnh Hà Nam, Chi cục thủy lợi Hà Nội, Chi cục thủy lợi Hà Nam.

KẾT QUẢ QUAN TRẮC HIỆN TRƯỜNG

Bảng tóm tắt:

Căn cứ theo các quy chuẩn: QCVN 08:2023 và số liệu khảo sát hiện trường sơ bộ nhận định về chất lượng nước tại các vị trí quan trắc theo các hạng như sau:

A – Sử dụng cho mục đích cấp nước sinh hoạt, bơi lội, vui chơi dưới nước (sau khi áp dụng xử lý phù hợp): Không có vị trí nào.

B – Sử dụng cho mục đích sản xuất nông nghiệp, công nghiệp (sau khi áp dụng xử lý phù hợp): Phù Lý – cầu Phù Vân.

C – Sử dụng cho mục đích sản xuất công nghiệp (sau khi áp dụng xử lý phù hợp), không gây mùi khó chịu: Các vị trí đạt giới hạn trên, Cống Liên Mạc, Cầu Diên, Cầu Thần, Đập Nhật Tựu, Cống Lương Cổ, Kênh Duy Tiên, Sông Tô Lịch trước nhập lưu sông Nhuệ tại Khánh Hà - Thường Tín, Kênh Hòa Bình.

D – Giao thông thủy và các mục đích khác với yêu cầu nước chất lượng thấp: Các vị trí đạt giới hạn trên, Đập Đồng Quan (Thượng lưu), Sông Đầm, Kênh Vân Đình tại Cầu Bàu.

Không đạt mức D: Đập Hà Đông, Cầu Tó, Cầu Xém, Sông Cầu Ngà, Đập Thanh Liệt, Kênh Xuân La, Kênh Phú Đô, Kênh tiêu Trung Văn, Cầu Am, Kênh La Khê, Kênh Yên Xá.

Mở các đập trên dòng chính sông Nhuệ thoát nước lưu ra sông Đáy. Tận dụng mực nước trên sông cao, tăng cường khả năng lấy nước vào hệ thống qua cống Liên Mạc và cống Tắc Giang nhằm tăng khả năng tự làm sạch trong hệ thống.

Bảng chi tiết:

Ký hiệu mẫu	Vị trí quan trắc	Mục tiêu giám sát	Kết quả quan trắc chất lượng nước hiện trường								Ghi chú, nhận xét, khuyến nghị
			Mô tả thực địa	pH	Độ đục (NTU)	DO (mg/l)	TDS (g/l)	Amoni_N (mg/l)	Nitrat_N (mg/l)	Độ dẫn (mS/cm)	
QCVN 08:2023 - A			6.5 – 8.5		≥ 6						
QCVN 08:2023 - B			6 – 8.5		≥ 5						
QCVN 08:2023 - C			6 – 8.5		≥ 4						
QCVN 08:2023 - D			< 6.0 hoặc > 8.5		≥ 2						
1	Cổng Liên Mạc	Đánh giá chất lượng nước vị trí đầu nguồn lấy nước vào hệ thống sông Nhuệ.	Trời lạnh, mưa phùn nhỏ, nhiệt độ 18°C, độ ẩm 94%, mật độ mây 85%, gió BDB 4 km/h. Dòng chảy rất chậm từ sông Hồng vào. Cổng Liên Mạc 1 và 2 mở thông. Mực nước trung bình. Nước màu xanh.	7.25	47.6	4.01	0.3	1.298	2.408	506	Chỉ tiêu quan trắc hiện trường DO không đạt mức B.
2	Cầu Diễn	Đánh giá chất lượng nước vị trí trên trục chính của sông Nhuệ sau nhập lưu của Sông Đám, kênh Xuân La	Trời lạnh, mưa phùn nhỏ, nhiệt độ 16°C, độ ẩm 88%, mật độ mây 100%, gió BDB 3 km/h. Dòng chảy chậm về hạ lưu. Mực nước trung bình. Nước màu	7.17	36.5	2.02	0.4	8.236	3.128	617	Chỉ tiêu quan trắc hiện trường DO không đạt mức B.

Ký hiệu mẫu	Vị trí quan trắc	Mục tiêu giám sát	Kết quả quan trắc chất lượng nước hiện trường								Ghi chú, nhận xét, khuyến nghị
			Mô tả thực địa	pH	Độ đục (NTU)	DO (mg/l)	TDS (g/l)	Amoni_N (mg/l)	Nitrat_N (mg/l)	Độ dẫn (mS/cm)	
		QCVN 08:2023 - A		6.5 – 8.5		≥ 6					
		QCVN 08:2023 - B		6 – 8.5		≥ 5					
		QCVN 08:2023 - C		6 – 8.5		≥ 4					
		QCVN 08:2023 - D		< 6.0 hoặc > 8.5		≥ 2					
		vào.	xanh đen.								
3	Đập Hà Đông	Đánh giá chất lượng nước vị trí trên trục chính của sông Nhuệ sau nhập lưu của sông Đăm, kênh Xuân La, kênh Phú Đô, sông Cầu Ngà, kênh Trung Văn, kênh La Khê vào.	Trời hửng nắng, nhiệt độ 18°C, độ ẩm 82%, mật độ mây 95%, gió BĐB 5 km/h. Dòng chảy chậm về hạ lưu, đập mở, mực nước trung bình. Nước màu đen, mùi hôi thối.	7.01	30.2	0.4	0.6	32.401	2.385	796	Chi tiêu quan trắc hiện trường DO không đạt mức B.
4	Cầu Tó	Đánh giá chất lượng nước vị trí trên trục chính của sông Nhuệ từ đập Hà Đông chảy về tiếp nhận nước	Trời hửng nắng, nhiệt độ 19°C, độ ẩm 80%, mật độ mây 90%, gió BĐB 5 km/h. Dòng chảy chậm về hạ lưu, mực nước trung bình. Nước màu	7.09	25.1	0.36	0.6	30.225	2.813	817	Chi tiêu quan trắc hiện trường DO không đạt mức B.

Ký hiệu mẫu	Vị trí quan trắc	Mục tiêu giám sát	Kết quả quan trắc chất lượng nước hiện trường								Ghi chú, nhận xét, khuyến nghị
			Mô tả thực địa	pH	Độ đục (NTU)	DO (mg/l)	TDS (g/l)	Amoni_N (mg/l)	Nitrat_N (mg/l)	Độ dẫn (mS/cm)	
			<i>QCVN 08:2023 - A</i>	6.5 – 8.5		≥ 6					
			<i>QCVN 08:2023 - B</i>	6 – 8.5		≥ 5					
			<i>QCVN 08:2023 - C</i>	6 – 8.5		≥ 4					
			<i>QCVN 08:2023 - D</i>	< 6.0 hoặc > 8.5		≥ 2					
		thải từ kênh Yên Xá, sông Tô Lịch qua đập Thanh Liệt.	đen.								
5	Cầu Xém	Đánh giá chất lượng nước vị trí trên trục chính của sông Nhuệ tiếp nhận nước thải từ nội thành đổ về tới cầu Xém.	Trời hừng nắng, nhiệt độ 20°C, độ ẩm 80%, mật độ mây 100%, gió BĐB 6 km/h. Dòng chảy chậm về hạ lưu. Mực nước trung bình. Nước màu đen.	7.27	32.6	1.09	0.6	16.861	1.823	656	Chỉ tiêu quan trắc hiện trường DO không đạt mức B.
6	Đập Đồng Quan (Thượng lưu)	Đánh giá chất lượng nước vị trí trên trục chính của sông Nhuệ từ cầu Xém xuôi về tiếp nhận	Trời hừng nắng, nhiệt độ 19°C, độ ẩm 82%, mật độ mây 100%, gió BĐB 7 km/h. Dòng chảy chậm về hạ lưu. Đập mở thông.	7.39	47.2	3.19	0.4	4.274	2.723	561	Chỉ tiêu quan trắc hiện trường DO không đạt mức B.

Ký hiệu mẫu	Vị trí quan trắc	Mục tiêu giám sát	Kết quả quan trắc chất lượng nước hiện trường								Ghi chú, nhận xét, khuyến nghị
			Mô tả thực địa	pH	Độ đục (NTU)	DO (mg/l)	TDS (g/l)	Amoni_N (mg/l)	Nitrat_N (mg/l)	Độ dẫn (mS/cm)	
QCVN 08:2023 - A			6.5 – 8.5		≥ 6						
QCVN 08:2023 - B			6 – 8.5		≥ 5						
QCVN 08:2023 - C			6 – 8.5		≥ 4						
QCVN 08:2023 - D			< 6.0 hoặc > 8.5		≥ 2						
		nước từ nhánh sông Tô Lịch tại Khánh Hà, Thường Tín và kênh Vân Đình vào.	Mức nước trung bình. Nước màu nâu đục.								
7	Cầu Thần	Đánh giá chất lượng nước dòng chính sông Nhuệ. Vị trí này trước điểm chia nước từ dòng chính sông Nhuệ vào kênh Duy Tiên khoảng 150m.	Trời nắng, nhiệt độ 26°C, độ ẩm 56%, mật độ mây 81%, gió ĐN 3 km/h. Dòng chảy chậm về hạ lưu, mực nước trung bình. Nước màu xanh lục.	7.46	30.5	4.06	0.3	2.261	2.430	429	Chi tiêu quan trắc hiện trường DO không đạt mức B.
8	Đập Nhật Tựu	Đánh giá chất lượng nước dòng chính sông Nhuệ tại	Trời nắng, nhiệt độ 26°C, độ ẩm 56%, mật độ mây 81%, gió ĐN	7.43	28.1	4.71	0.3	1.919	3.038	401	Chi tiêu quan trắc hiện trường DO không

Ký hiệu mẫu	Vị trí quan trắc	Mục tiêu giám sát	Kết quả quan trắc chất lượng nước hiện trường								Ghi chú, nhận xét, khuyến nghị
			Mô tả thực địa	pH	Độ đục (NTU)	DO (mg/l)	TDS (g/l)	Amoni_N (mg/l)	Nitrat_N (mg/l)	Độ dẫn (mS/cm)	
			<i>QCVN 08:2023 - A</i>	6.5 – 8.5		≥ 6					
			<i>QCVN 08:2023 - B</i>	6 – 8.5		≥ 5					
			<i>QCVN 08:2023 - C</i>	6 – 8.5		≥ 4					
			<i>QCVN 08:2023 - D</i>	< 6.0 hoặc > 8.5		≥ 2					
		vị trí lấy mẫu ở thượng lưu đập.	3 km/h. Dòng chảy rất chậm về hạ lưu, đập mờ hé. Mực nước trung bình. Nước màu xanh.								đạt mức B.
9	Cổng Lương Cỏ	Đánh giá chất lượng nước dòng chính sông Nhuệ tại vị trí cổng.	Trời nắng, nhiệt độ 26°C, độ ẩm 54%, mật độ mây 100%, gió ĐN 3 km/h. Cổng mờ. Dòng chảy chậm về hạ lưu. Mực nước trung bình. Nước màu xanh.	7.4	30.1	4.8	0.3	1.601	2.633	410	Chi tiêu quan trắc hiện trường DO không đạt mức B.
10	Phù Lý – cầu Phù Vân	Đánh giá chất lượng nước tại điểm cuối trên dòng chính sông Nhuệ trước khi sông Nhuệ nhập lưu	Trời nắng, nhiệt độ 26°C, độ ẩm 54%, mật độ mây 100%, gió ĐN 3 km/h. Dòng chảy chậm ra nhập lưu sông Đáy. Mực nước trung bình.	7.49	26.5	5.16	0.3	1.220	1.845	380	Các chỉ tiêu quan trắc hiện trường pH, DO đạt mức B.

Ký hiệu mẫu	Vị trí quan trắc	Mục tiêu giám sát	Kết quả quan trắc chất lượng nước hiện trường								Ghi chú, nhận xét, khuyến nghị
			Mô tả thực địa	pH	Độ đục (NTU)	DO (mg/l)	TDS (g/l)	Amoni_N (mg/l)	Nitrat_N (mg/l)	Độ dẫn (mS/cm)	
			<i>QCVN 08:2023 - A</i>	6.5 – 8.5		≥ 6					
			<i>QCVN 08:2023 - B</i>	6 – 8.5		≥ 5					
			<i>QCVN 08:2023 - C</i>	6 – 8.5		≥ 4					
			<i>QCVN 08:2023 - D</i>	< 6.0 hoặc > 8.5		≥ 2					
		vào sông Đáy.	Trên sông có nhiều bèo. Nước màu xanh.								
11	Sông Đăm	Đánh giá chất lượng nước trước khi nhập lưu vào sông Nhuệ.	Trời lạnh, mưa phùn nhỏ, nhiệt độ 18°C, độ ẩm 82%, mật độ mây 100%, gió BDB 4 km/h. Dòng chảy chậm ra sông Nhuệ. Mực nước trung bình. Nước màu nâu đục, ngoài sông Nhuệ nước màu xanh đen.	7.47	36.1	3.91	0.4	2.883	2.678	529	Chi tiêu quan trắc hiện trường DO không đạt mức B.
12	Sông Cầu Ngà	Đánh giá chất lượng nước sông Cầu Ngà, nhánh nhập lưu sông Nhuệ.	Trời lạnh, nhiệt độ 17°C, độ ẩm 88%, mật độ mây 100%, gió BDB 3 km/h. Dòng chảy chậm ra sông Nhuệ, mực nước thấp. Nước màu đen.	7.15	20.3	0.87	0.6	26.185	2.408	791	Chi tiêu quan trắc hiện trường DO không đạt mức B.

Ký hiệu mẫu	Vị trí quan trắc	Mục tiêu giám sát	Kết quả quan trắc chất lượng nước hiện trường								Ghi chú, nhận xét, khuyến nghị
			Mô tả thực địa	pH	Độ đục (NTU)	DO (mg/l)	TDS (g/l)	Amoni_N (mg/l)	Nitrat_N (mg/l)	Độ dẫn (mS/cm)	
QCVN 08:2023 - A				6.5 – 8.5		≥ 6					
QCVN 08:2023 - B				6 – 8.5		≥ 5					
QCVN 08:2023 - C				6 – 8.5		≥ 4					
QCVN 08:2023 - D				< 6.0 hoặc > 8.5		≥ 2					
13	Đập Thanh Liệt	Đánh giá chất lượng nước sông Tô Lịch trước khi đổ vào sông Nhuệ.	Trời hừng nắng, nhiệt độ 18°C, độ ẩm 82%, mật độ mây 95%, gió BĐB 5 km/h. Không có dòng chảy. Đập đóng. Nước màu đen.	7.03	23.7	0.41	0.6	29.681	2.678	806	Chi tiêu quan trắc hiện trường DO không đạt mức B.
14	Kênh Xuân La	Đánh giá chất lượng nước kênh Xuân La trước khi nhập lưu vào sông Nhuệ.	Trời lạnh, mưa phùn nhỏ, nhiệt độ 18°C, độ ẩm 82%, mật độ mây 100%, gió BĐB 4 km/h. Dòng chảy nhanh, xáo trộn rối ở hạ lưu. Cổng mở tiêu nước ra sông. Trạm bơm không hoạt động. Mực nước trung bình. Nước màu xám đen, mùi hôi thối.	7.36	20.7	0.96	0.6	17.016	1.688	761	Chi tiêu quan trắc hiện trường DO không đạt mức B.

Ký hiệu mẫu	Vị trí quan trắc	Mục tiêu giám sát	Kết quả quan trắc chất lượng nước hiện trường								Ghi chú, nhận xét, khuyến nghị
			Mô tả thực địa	pH	Độ đục (NTU)	DO (mg/l)	TDS (g/l)	Amoni_N (mg/l)	Nitrat_N (mg/l)	Độ dẫn (mS/cm)	
			<i>QCVN 08:2023 - A</i>	6.5 – 8.5		≥ 6					
			<i>QCVN 08:2023 - B</i>	6 – 8.5		≥ 5					
			<i>QCVN 08:2023 - C</i>	6 – 8.5		≥ 4					
			<i>QCVN 08:2023 - D</i>	< 6.0 hoặc > 8.5		≥ 2					
15	Kênh Phú Đô	Đánh giá chất lượng nước nhánh bên bờ tả sông Nhuệ, không chế nước thải của làng bún Phú Đô và khu vực Mỹ Đình.	Trời lạnh, nhiệt độ 17°C, độ ẩm 88%, mật độ mây 100%, gió BDB 3 km/h. Dòng chảy chậm ra sông Nhuệ. Cổng mở tiêu nước ra sông. Mực nước thấp. Trạm bơm không hoạt động. Nước màu xám đen, nổi bọt.	7.07	30.2	0.49	0.6	23.776	1.823	871	Chỉ tiêu quan trắc hiện trường DO không đạt mức B.
16	Kênh tiêu Trung Văn	Đánh giá chất lượng nước nhánh bên bờ tả sông Nhuệ, không chế nước thải của các khu đô thị, dân cư khu vực Trung Văn, Mỹ	Trời lạnh, nhiệt độ 17°C, độ ẩm 88%, mật độ mây 100%, gió BDB 3 km/h. Dòng chảy rất chậm ra sông Nhuệ, cổng mở tiêu nước ra sông. Mực nước thấp. Trạm bơm không hoạt động. Nước màu xám đen.	7.1	27.1	0.61	0.6	19.969	2.385	859	Chỉ tiêu quan trắc hiện trường DO không đạt mức B.

Ký hiệu mẫu	Vị trí quan trắc	Mục tiêu giám sát	Kết quả quan trắc chất lượng nước hiện trường								Ghi chú, nhận xét, khuyến nghị
			Mô tả thực địa	pH	Độ đục (NTU)	DO (mg/l)	TDS (g/l)	Amoni_N (mg/l)	Nitrat_N (mg/l)	Độ dẫn (mS/cm)	
QCVN 08:2023 - A				6.5 – 8.5		≥ 6					
QCVN 08:2023 - B				6 – 8.5		≥ 5					
QCVN 08:2023 - C				6 – 8.5		≥ 4					
QCVN 08:2023 - D				< 6.0 hoặc > 8.5		≥ 2					
		Đình.									
17	Cầu Am	Đánh giá chất lượng nước nhánh bên bờ hữu sông Nhuệ, không chế nước thải các khu đô thị dọc tuyến đường Lê Văn Lương và các khu dân cư quanh khu vực đổ vào.	Trời lạnh, nhiệt độ 18°C, độ ẩm 85%, mật độ mây 100%, gió BĐB 4 km/h. Dòng chảy chậm ra sông Nhuệ. Mực nước thấp. Nước màu đen.	7.12	19.1	0.76	0.6	29.604	2.295	850	Chỉ tiêu quan trắc hiện trường DO không đạt mức B.
18	Kênh La Khê	Đánh giá chất lượng nước kênh La Khê trước cống tiêu ra sông Đáy, vị trí tại cuối nguồn.	Trời lạnh, nhiệt độ 18°C, độ ẩm 85%, mật độ mây 100%, gió BĐB 4 km/h. Không có dòng chảy, mực nước trung bình. Nước màu đen, mùi	7.01	12.9	0.39	0.6	32.012	3.083	876	Chỉ tiêu quan trắc hiện trường DO không đạt mức B.

Ký hiệu mẫu	Vị trí quan trắc	Mục tiêu giám sát	Kết quả quan trắc chất lượng nước hiện trường								Ghi chú, nhận xét, khuyến nghị
			Mô tả thực địa	pH	Độ đục (NTU)	DO (mg/l)	TDS (g/l)	Amoni_N (mg/l)	Nitrat_N (mg/l)	Độ dẫn (mS/cm)	
			QCVN 08:2023 - A	6.5 – 8.5		≥ 6					
			QCVN 08:2023 - B	6 – 8.5		≥ 5					
			QCVN 08:2023 - C	6 – 8.5		≥ 4					
			QCVN 08:2023 - D	< 6.0 hoặc > 8.5		≥ 2					
			hồi thổi.								
19	Kênh Vân Đình tại Cầu Bàu	Đánh giá chất lượng nước nhánh bên bờ hữu sông Nhuệ, nối sông Nhuệ và sông Đáy.	Trời hửng nắng, nhiệt độ 19°C, độ ẩm 82%, mật độ mây 100%, gió ĐĐB 7 km/h. Dòng chảy chậm từ hướng sông Nhuệ sang sông Đáy. Mực nước trung bình. Hai bên kênh có nhiều rác. Nước màu nâu đục.	7.59	38.1	3.76	0.4	2.168	3.128	601	Chỉ tiêu quan trắc hiện trường DO không đạt mức B.
20	Kênh Duy Tiên	Đánh giá chất lượng nước kênh Duy Tiên, kênh này lấy nước từ sông Nhuệ để tưới cho khu vực các huyện Lý Nhân, Duy	Trời nắng, nhiệt độ 26°C, độ ẩm 56%, mật độ mây 81%, gió ĐN 3 km/h. Dòng chảy rất chậm, nước từ sông Nhuệ vào, mực nước trung bình. Nước màu xanh lục.	7.5	28.7	4.21	0.3	1.678	2.858	417	Chỉ tiêu quan trắc hiện trường DO không đạt mức B.

Ký hiệu mẫu	Vị trí quan trắc	Mục tiêu giám sát	Kết quả quan trắc chất lượng nước hiện trường								Ghi chú, nhận xét, khuyến nghị
			Mô tả thực địa	pH	Độ đục (NTU)	DO (mg/l)	TDS (g/l)	Amoni_N (mg/l)	Nitrat_N (mg/l)	Độ dẫn (mS/cm)	
			QCVN 08:2023 - A	6.5 – 8.5		≥ 6					
			QCVN 08:2023 - B	6 – 8.5		≥ 5					
			QCVN 08:2023 - C	6 – 8.5		≥ 4					
			QCVN 08:2023 - D	< 6.0 hoặc > 8.5		≥ 2					
		Tiên.									
21	Kênh Yên Xá	Đánh giá chất lượng nước nhánh bên bờ tả sông Nhuệ. Vị trí lấy mẫu tại hạ lưu kênh, trước khi đổ ra sông Nhuệ.	Trời hửng nắng, nhiệt độ 18°C, độ ẩm 82%, mật độ mây 95%, gió BĐB 5 km/h. Dòng chảy rất chậm ra sông Nhuệ. Cống mở tiêu nước ra sông Nhuệ, mực nước thấp. Nước màu đen.	7.4	41.5	0.61	0.6	23.699	3.848	902	Chỉ tiêu quan trắc hiện trường DO không đạt mức B.
22	Sông Tô Lịch trước nhập lưu sông Nhuệ tại Khánh Hà, Thường Tín	Đánh giá chất lượng nước nhánh của sông Tô Lịch thuộc địa phận xã Khánh Hà huyện Thường Tín đổ vào sông Nhuệ.	Trời hửng nắng, nhiệt độ 20°C, độ ẩm 80%, mật độ mây 100%, gió BĐB 6 km/h. Dòng chảy chậm ra sông Nhuệ, mực nước trung bình. Hai bên kênh có nhiều rác thải. Nước màu xanh lục.	7.46	2.7	4.61	0.3	0.707	3.060	401	Chỉ tiêu quan trắc hiện trường DO không đạt mức B.

Ký hiệu mẫu	Vị trí quan trắc	Mục tiêu giám sát	Kết quả quan trắc chất lượng nước hiện trường								Ghi chú, nhận xét, khuyến nghị
			Mô tả thực địa	pH	Độ đục (NTU)	DO (mg/l)	TDS (g/l)	Amoni_N (mg/l)	Nitrat_N (mg/l)	Độ dẫn (mS/cm)	
		<i>QCVN 08:2023 - A</i>		6.5 – 8.5		≥ 6					
		<i>QCVN 08:2023 - B</i>		6 – 8.5		≥ 5					
		<i>QCVN 08:2023 - C</i>		6 – 8.5		≥ 4					
		<i>QCVN 08:2023 - D</i>		< 6.0 hoặc > 8.5		≥ 2					
23	Kênh Hòa Bình	Đánh giá chất lượng nước kênh Hòa Bình trước khi nhập lưu vào sông Nhuệ.	Trời hửng nắng, nhiệt độ 19°C, độ ẩm 80%, mật độ mây 90%, gió BDB 5 km/h. Không có dòng chảy, cống đóng. Mực nước cao. Trạm bơm không hoạt động. Nước màu xanh lục.	7.36	21.3	4.59	0.3	0.901	3.578	424	Chi tiêu quan trắc hiện trường DO không đạt mức B.

Ghi chú:

QCVN 08:2023 Mức A: Chất lượng nước tốt. Hệ sinh thái trong môi trường nước có hàm lượng oxy hòa tan (DO) cao. Nước có thể sử dụng cho mục đích cấp nước sinh hoạt, bơi lội, vui chơi dưới nước sau khi áp dụng các biện pháp xử lý phù hợp.

QCVN 08:2023 Mức B: Chất lượng nước trung bình. Hệ sinh thái trong nước tiêu thụ nhiều oxy hòa tan do một lượng lớn chất ô nhiễm. Nước có thể sử dụng cho mục đích sản xuất công nghiệp, nông nghiệp sau khi áp dụng các biện pháp xử lý phù hợp.

QCVN 08:2023 Mức C: Chất lượng nước xấu. Hệ sinh thái trong nước có lượng oxy hòa tan giảm mạnh do chứa một lượng lớn các chất ô nhiễm. Nước không gây mùi khó chịu, có thể được sử dụng cho các mục đích sản xuất công nghiệp sau khi áp dụng các biện pháp xử lý phù hợp.

QCVN 08:2023 Mức D: Nước có chất lượng rất xấu, có thể gây ảnh hưởng lớn tới cá và các sinh vật sống trong môi trường nước do nồng độ oxy hòa tan thấp, nồng độ chất ô nhiễm cao. Nước có thể được sử dụng cho các mục đích giao thông thủy và các mục đích khác với yêu cầu chất lượng nước thấp.

Nơi nhận:

- Cục Thủy lợi;
- Cty TNHH MTV Đầu tư phát triển thủy lợi Sông Nhuệ;
- Cty TNHH MTV KTCTL tỉnh Hà Nam;
- Chi cục Thủy lợi Hà Nội;
- Chi cục Thủy lợi Hà Nam;
- Lưu phòng TN&TVQLCLN, MT.

Hà Nội, ngày 12 tháng 02 năm 2025

VIỆN QUY HOẠCH THỦY LỢI



PHÓ VIỆN TRƯỞNG

Đào Ngọc Tuấn